

Bản án số: 31/2020/HS-ST
Ngày 22-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Công Định

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

Bà Nguyễn Thị Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Lục Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 03 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 04 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đoàn Văn H**, sinh năm 1994. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Ch, thị trấn Đ, Huyện LN, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Đoàn Văn T, sinh năm 1969 và con bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1972; Bị cáo chưa có vợ, con.

Nhân thân:

+ Bản án số 26/2011/HSST ngày 20/9/2011, Tòa án nhân dân Huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xử phạt Đoàn Văn H 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong án phí ngày 12/12/2011.

+ Bản án số 74/2014/HSST ngày 03/9/2014, Tòa án nhân dân Huyện Lục Nam xử phạt Đoàn Văn H 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong án phí, tiền phạt ngày 11/12/2014. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/8/2016.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Đăng H2**, sinh năm 1989. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Ch, thị trấn Đ, Huyện LN, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề

nghiep: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; con ông Nguyễn Đăng T, sinh năm 1951 và con bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1952; Bị cáo chưa có vợ, con.

- Nhân thân:

+ Bản án số 24/2009/HSST ngày 15/4/2009, Tòa án nhân dân Huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt Nguyễn Đăng H2 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng, về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong án phí ngày 28/7/2009.

+ Bản án số 02/2013/HSST ngày 17/01/2013, Tòa án nhân dân Huyện Lục Nam xử phạt Nguyễn Đăng H2 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/6/2013. Chấp hành xong tiền bồi thường ngày 09/01/2013, tiền án phí ngày 28/3/2013.

- Tiền sự: Không.

- Tiền án: Bản án số 241/2016/HSST ngày 09/9/2016, Tòa án nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Nguyễn Đăng H2 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 24/01/2019.

Bị cáo đầu thú bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/12/2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Ch, TT Đ, Huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Phố, TT Đồi Ngô, Huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Ông Trần Thanh L, sinh năm 1951 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 594, đường N, phường T, TP BN, tỉnh Bắc Ninh.

Người làm chứng:

- Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã V, Huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 28/11/2019, Đoàn Văn H, sinh năm 1994 ở tổ dân phố C, thị trấn L, Huyện LN đi ngang qua nhà bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958 ở cùng tổ dân phố thì thấy nhà bà T không có ai ở nhà nên H đã nảy sinh ý định vào bà T để trộm cắp tài sản. H tiến đến cổng thì thấy cổng không khóa nên H dùng tay gạt chốt để mở cổng đi trong vào sân. H đi đến mở cửa chính nhưng không mở được, H tiếp tục đi về phía sau nhà chính và quan sát thấy có 01 ô thoáng ở phía sau nhà vệ sinh có kích thước (40x48) cm (kích thước khi lắp ốp nhôm xung quanh là (35x43)cm), có cánh cửa được làm bằng nhôm kính và mở lên trên, ô thoáng chưa có chấn song. Theo H khai, H nhặt 01 gậy tre khô dài 173 cm để ở sau vườn nhà bà T (khi thực nghiệm điều tra H xác nhận chiếc gậy tre trên, Cơ quan điều tra chụp ảnh đưa hồ sơ vụ án), rồi dựng đoạn gậy tre này vào tường dưới ô thoáng. H đạp một chân vào tường, một chân đạp vào gậy tre, do cánh cửa ô thoáng đã mở hé nên H đã dùng tay phải bám vào mép dưới cửa ô

thoáng sau đó kéo cánh cửa theo hướng từ trong ra ngoài, rồi đẩy cánh cửa theo hướng từ dưới lên trên để làm gãy thanh kim loại mỏng giữ cánh cửa. Sau khi mở được cửa kính ô thoáng, H chui vào trong dùng tay bám vào van vận nước, để chân lên cần điều khiển vòi nóng lạnh rồi H nhảy xuống nền nhà tắm rồi đi vào trong nhà. Khi vào trong nhà, H khai lấy 01 chiếc đèn pin ở đầu cầu thang của gia đình bà T soi lục tìm tài sản ở tủ quần áo dưới gầm cầu thang song không thấy có tài sản gì. H tiếp tục cầm đèn pin soi vào trong phòng ngủ ở tầng 1, H phát hiện có 01 chiếc điện thoại Samsung J2 Pro, màu đen để trên giường, H soi đèn pin xuống gầm giường thấy có 01 túi bóng đỏ bên trong đựng 01 túi xách màu đen. H để đèn pin lên giường rồi lấy túi xách mở ra thì thấy bên trong túi xách có nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 chiếc dây chuyền vàng, loại vàng 9999, trọng lượng 10 chỉ; 01 mặt đá màu xanh, phía trong làm bằng vàng, loại vàng 9999, trọng lượng 01 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng mặt đá màu xanh, loại vàng 9999, trọng lượng 02 chỉ (tổng trọng lượng vàng là 13 chỉ). H đã lấy toàn bộ số tiền, vàng và điện thoại Samsung J2 Pro cho vào trong túi quần rồi H cất túi xách vào vị trí ban đầu, sau đó H mở cửa chính ra ngoài. Khi về nhà, H bỏ số tài sản trộm cắp ra đếm được số tiền 10.000.000 đồng và số vàng như trên.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày H đến nhà Nguyễn Văn A, sinh năm 1988 ở tổ dân phố Phố, thị trấn Lục Nam chơi và cho Ánh mượn chiếc điện thoại Samsung J2 Pro để sử dụng. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, H gọi điện cho Nguyễn Đăng H2, sinh năm 1989 ở tổ dân phố C, thị trấn L, Huyện LN đến nhà H. Tại đây, H kể lại việc H trộm cắp được vàng của gia đình bà Nguyễn Thị T và rủ Nguyễn Đăng H2 cùng đi bán vàng, Nguyễn Đăng H2 đồng ý. Khoảng 06 giờ ngày 29/11/2019, Nguyễn Đăng H2 gọi điện cho anh Hoàng Văn T, sinh năm 1993 ở thôn T, xã V, Huyện LN (là lái xe taxi) thuê anh Tuấn chở Nguyễn Đăng H2 và Đoàn Văn H đi bán vàng. Khi đi đến thành phố Bắc Ninh, Nguyễn Đăng H2 bảo anh Tuấn tìm cửa hàng vàng bạc để H vào đổi tiền đô. Anh Tuấn lái xe đến gần cổng bến xe Bắc Ninh thì đỗ xe trước cửa hàng vàng bạc đá quý Hương Lịch tại số 594, đường N, phường T, TP BN. Sau đó Nguyễn Đăng H2 xuống xe, còn Đoàn Văn H ngồi trên xe đợi. Sau đó Nguyễn Đăng H2 đi vào cửa hàng bán cho ông Trần Thanh L, sinh năm 1951 (là chủ cửa hàng) gồm 01 chiếc dây chuyền vàng, trọng lượng 10 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng mặt đá màu xanh, trọng lượng 02 chỉ; 01 mặt đá màu xanh, phía trong làm bằng vàng, trọng lượng 01 chỉ (tổng trọng lượng là 13 chỉ vàng), H được ông Lịch thành toán trả số tiền 48.000.000 đồng. Sau khi bán số vàng trên, Nguyễn Đăng H2 lên xe và bảo anh Tuấn chở về Lục Nam. Trên đường về Nguyễn Đăng H2 đưa toàn bộ số tiền bán vàng cho Đoàn Văn H, Nguyễn Đăng H2 được Đoàn Văn H chia số tiền là 12.300.000 đồng. Khi Đoàn Văn H và Nguyễn Đăng H2 chia tiền thì anh Tuấn nhìn qua gương chiếu hậu thấy. Cùng ngày nhận thấy hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật, Đoàn Văn H đến Cơ quan điều tra Công an Huyện Lục Nam đầu thú và giao nộp lại số tiền 33.000.000 đồng, số tiền 12.700.000 đồng H sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Cùng ngày Nguyễn Văn A giao nộp: 01 điện thoại di động Samsung J2 Pro màu đen.

Ngày 03/12/2019, Nguyễn Đăng H2 đến đầu thú giao nộp số tiền 12.300.000 đồng; 01 nhẫn hình tròn, màu vàng, phía trong ký hiệu GIANG HOA 9999.

Ngày 28/11/2019, bà Nguyễn Thị T làm đơn trình báo việc bị kẻ gian trộm cắp số tiền 10.000.000 đồng, số vàng như trên và cung cấp hóa đơn mua vàng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Huyện Lục Nam ngày 03/12/2019, kết luận: 01 chiếc điện thoại di động SAMSUNG J2 Pro, màu đen có giá trị 1.320.000 đồng; 01 dây chuyền vàng 9999 trọng lượng 10 chỉ có giá trị 41.100.000 đồng; 01 nhẫn vàng 9999 có mặt đá màu xanh trọng lượng 02 chỉ có giá trị 8.220.000 đồng; 01 mặt đá màu xanh bên trong làm bằng vàng 9999 trọng lượng 01 chỉ có giá trị 4.110.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Đoàn Văn H đã trộm cắp là 64.750.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an Huyện Lục Nam đã cho Đoàn Văn H thực nghiệm lại hành vi trộm cắp tài sản tại nhà bà Nguyễn Thị T vào ngày 28/11/2019. Kết quả, Đoàn Văn H thực hiện được và chỉ đúng vị trí trộm cắp tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu Đoàn Văn H phải bồi thường cho bà T số tiền 18.130.000 đồng.

Cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 23/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Lục Nam đã truy tố:

Bị cáo Đoàn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Đăng H2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Đoàn Văn H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 29/11/2019.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đăng H2 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Đăng H2 từ 12 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 03/12/2019

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 589; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Đoàn Văn H phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị T 18.130.000 đồng.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về tiền án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm đối với bị cáo và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận gì. Bị hại không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo..

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá một cách khách quan, toàn diện, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Công an Huyện Lục Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện Lục Nam, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn A, ông Trần Thanh L, người làm chứng là anh Hoàng Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai lưu tại hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Về căn cứ xác định bị cáo có tội Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị hại, người làm chứng phù hợp về thời gian, không gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 28/11/2019, Đoàn Văn H đã đột nhập vào nhà bà Nguyễn Thị T ở tổ dân phố C, thị trấn L, Huyện LN trộm cắp số tiền 10.000.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động Samsung J2 Pro, màu đen; 01 dây chuyền vàng 9999 trọng lượng 10 chỉ; 01 nhẫn vàng 9999 có mặt đá màu xanh trọng lượng 02 chỉ; 01 mặt đá màu xanh bên trong làm bằng vàng 9999 trọng lượng 01 chỉ. Tổng giá trị tài sản Đoàn Văn H trộm cắp là 64.750.000 đồng. Sau khi trộm cắp tài sản, Đoàn Văn H đã rủ Nguyễn Đăng H2 đi tiêu thụ tài sản số vàng có tổng trọng lượng 13 chỉ, có trị giá 53.430.000 đồng, Nguyễn Đăng H2 đồng ý. Sáng ngày 29/11/2019 cả hai đem số vàng trên đi bán được 48.000.000 đồng. Đoàn Văn H đã chia cho Nguyễn Đăng H2 12.300.000 đồng. Lần lượt các ngày 29/11/2019 và 03/12/2019, Đoàn Văn H và Nguyễn Đăng H2 đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Như vậy, hành vi của Đoàn Văn H đủ yếu tố cấu thành của tội Trộm cắp tài sản và hành vi của Nguyễn Đăng H2 đủ yếu tố cấu thành của tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người đủ tuổi, đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội

với lỗi cố ý trực tiếp tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 và Điều 323 của Bộ luật hình sự. Việc các bị cáo bị truy tố, xét xử ngày hôm nay với tội danh và điều luật viện dẫn ở trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo còn trẻ nhưng không có ý thức phấn đấu, lười lao động, thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác, bị cáo Đoàn Văn H lợi dụng sơ hở của người khác để chiếm đoạt tài sản nhằm phục vụ cho bản thân. Bị cáo Nguyễn Đăng H2 biết việc bị cáo Đoàn Văn H trộm cắp tài sản của người khác nhưng vẫn đồng ý đi tiêu thụ tài sản những tài sản này nhằm kiếm lợi. Do đó cần phải xử lý về hình sự để giáo dục bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Đoàn Văn H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Nguyễn Đăng H2 có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị cáo Nguyễn Đăng H2 đã nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt, bị cáo Đoàn Văn H đã nộp lại số tiền hiện đang cất giữ, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên HĐXX thấy cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho các bị cáo khi lượng hình thể hiện sự khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Từ những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo nêu trên. HĐXX xét thấy các bị cáo có nhân thân xấu, bản thân các bị cáo đã bị kết tội về các tội xâm phạm sở hữu, bị cáo đã chấp hành án xong nhưng các bị cáo không lấy đây làm bài học để tu dưỡng rèn luyện, nay bị cáo tiếp tục tái phạm do vậy cần phải xử nghiêm đối với các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo và cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian cần thiết để giáo dục riêng đối với các bị cáo và góp phần răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Do các bị cáo đang bị tạm giam nên HĐXX Quyết định tạm giam các bị cáo theo quy định tại Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên HĐXX thấy không cần áp dụng khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 Bộ luật hình sự để phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với yêu cầu của bị hại là bà Nguyễn Thị T yêu cầu bị cáo Đoàn Văn H bồi thường số tiền 18.130.000 đồng giá trị tài sản bị mất. HĐXX xét thấy yêu cầu bồi thường số tiền trên của bị hại là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều

584; Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận.

[6] Về vật chứng:

Cơ quan điều tra Công an Huyện Lục Nam đã trả lại cho bà Nguyễn Thị T 01 chiếc điện thoại Samsung J2 pro, màu đen; số tiền 45.300.000 đồng. Bà T không có ý kiến gì về những tài sản đã nhận. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với 01 nhẫn hình tròn, màu vàng, phía trong ký hiệu GIANG HOA 9999 do Nguyễn Đăng H2 giao nộp khi đầu thú, Nguyễn Đăng H2 khai là của H. Tài sản này không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Nguyễn Thị X là mẹ của bị cáo Nguyễn Đăng H2, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Đối với Nguyễn Văn A được Đoàn Văn H cho mượn chiếc điện thoại Samsung J2 pro, khi mượn Ánh không biết chiếc điện thoại trên là tài sản trộm cắp; Hoàng Văn T được Nguyễn Đăng H2 và Đoàn Văn H thuê chở đi bán vàng nhưng anh Tuấn không biết rõ sự việc, Tuấn chỉ thấy khi trên xe từ Bắc Ninh về Đoàn Văn H và Nguyễn Đăng H2 có đưa tiền cho nhau, còn việc hai bên nói chuyện, trao đổi với nhau thế nào thì Tuấn không rõ nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với Trần Thanh L mua của Nguyễn Đăng H2 13 chỉ vàng nhưng ông Lịch khai không biết số vàng trên là do trộm cắp mà có, sau khi mua ông Lịch khai đã bán cho khách không rõ tên, tuổi, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không thu hồi được và không đề cập xử lý. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 12; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Đoàn Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 906.500 đồng án phí DSST. Miễn án phí cho bị cáo Nguyễn Đăng H2.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Đoàn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Nguyễn Đăng H2 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Căn cứ Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn H 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 29/11/2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Đăng H2 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 03/12/2019

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 589; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Đoàn Văn H phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 18.130.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 12; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đoàn Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 906.500 đồng án phí DSST.

Miễn tiền án phí HSST cho Bị cáo Nguyễn Đăng H2

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND Huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS H Lục Nam;
- Công an H Lục Nam;
- Bị cáo;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Công Định

